

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
(TEST REPORT)

Số/No: 06102610/KQ

Tên khách hàng/ Customer : TRUNG TÂM NƯỚC SẠCH VÀ VỆ SINH MÔI TRƯỜNG
NÔNG THÔN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
Địa chỉ/ Address : Số 39 đường Hoàng Diệu, phường Long Hương, Thành phố Hồ Chí Minh
Loại mẫu/ Type of sample : Nước sạch
Nước sạch sau xử lý
Tên mẫu/ Name of sample : Trạm cấp nước Minh Tân, ấp Minh Tân, xã Minh Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh
Mã số mẫu/ Code of sample : 061026-137
Mô tả mẫu/ Sample description : Mẫu nước đựng trong chai nhựa 1,5L và chai thủy tinh 0,5L
Số lượng/ Quantity : 01 mẫu
Ngày lấy mẫu/ Date of sampling : 06/10/2026 Ngày trả kết quả/ Date of result : 13/10/2026

TT (No.)	Chỉ tiêu (Characteristic)	Đơn vị (Unit)	Phương pháp thử (Test method)	Kết quả (Result)	QCVN 01- 1:2024/BYT
				061026-137	
1.	(a) Coliforms	CFU/100mL	TCVN 6187-1:2019	<1(*)	<1
2.	(a) E.coli	CFU/100mL	TCVN 6187-1:2019	<1(*)	<1
3.	(a) Arsen	mg/L	SMEWW 3125B: 2023	KPH (LOD = 0,002)	0,01
4.	(a) Clo dư tự do	mg/L	SMEWW 4500-Cl.G : 2023	0,64	0,2 – 1,0
5.	(a) Độ đục	NTU	SMEWW 2130:2023	< 0,35 (LOQ = 0,35)	2
6.	(a) Màu sắc	TCU	TCVN 6185:2015	< 9 (LOQ = 9)	15
7.	(a) Mùi	--	HDPT-N.03:2023 (Ref SMEWW 2150:2023)	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ
8.	(a) pH	--	TCVN 6492: 2011	6,90	6,0 – 8,5
9.	(a) Amoni (NH ₃ và NH ₄ ⁺ tính theo N)	mg/L	TCVN 6179-1:1996	KPH (LOD = 0,03)	1
10.	(a) Chỉ số permanganat	mg/L	TCVN 6186 :1996	KPH (LOD = 0,5)	2

Nhận xét: Mẫu nước có các chỉ tiêu phân tích nằm trong ngưỡng giới hạn của Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 01-1:2024/BYT. /The water sample's parameters were inside the permissible limits specified in the National Technical Regulation QCVN 01-1: 2024/BYT

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
(TEST REPORT)

Số/No: 06102610/KQ

Ghi chú/Notes:

- (*) Kết quả được biểu thị "<1 CFU" được xem là "không phát hiện vi sinh vật mục tiêu" trên thể tích mẫu kiểm tra. /Results expressed as "<1 CFU" are considered as "no target microorganisms detected" on the test sample volume.
- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm/ Test results are valid for the analysis sample only.
- Mẫu được lưu 30 ngày, kể từ ngày trả kết quả/ Sample is stored 30 days from the date of results of return.
- KPH: Không phát hiện/ Not detected;
- LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp/ Limit of detection; LOQ: Giới hạn định lượng của phương pháp/Limit of quantitation;
- (--): Không quy định/ No specified; (-): Không thực hiện/Not implemented;
- QCVN 01-1: 2024/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt;
- Phòng thí nghiệm đã được Bộ Khoa học và Công nghệ cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động thử nghiệm (317/TN-TĐC)/ The Testing Lab is granted a Certificate of Registration for Testing Activities (317/TN-TĐC) by the Ministry of Science and Technology.
- (a): Phương pháp đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BOA) – Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 599)/ Method is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation – Viet Nam (Vilas 599).

Trưởng phòng dịch vụ phân tích
(Head of analytical services)



Nguyễn Đoàn Bình

KT. Tổng Giám đốc/ PP.Director
Phó Tổng Giám đốc/ Vice Director


Phan Duy Hung

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
(TEST REPORT)

Số/No: 06102610/KQ

Tên khách hàng/ Customer : TRUNG TÂM NƯỚC SẠCH VÀ VỆ SINH MÔI TRƯỜNG
NÔNG THÔN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
Địa chỉ/ Address : Số 39 đường Hoàng Diệu, phường Long Hương, Thành phố Hồ Chí Minh
Loại mẫu/ Type of sample : Nước sạch
Nước sạch sau xử lý
Tên mẫu/ Name of sample : Hộ dân Nguyễn Văn Dâng, ấp Tân Thanh, xã Minh Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh (Trạm cấp nước Minh Tân)
Toạ độ: 11.417227; 106.460925
Mã số mẫu/ Code of sample : 061026-138
Mô tả mẫu/ Sample description : Mẫu nước đựng trong chai nhựa 1,5L và chai thủy tinh 0,5L
Số lượng/ Quantity : 01 mẫu
Ngày lấy mẫu/ Date of sampling : 06/10/2026 Ngày trả kết quả/ Date of result : 13/10/2026

TT (No.)	Chỉ tiêu (Characteristic)	Đơn vị (Unit)	Phương pháp thử (Test method)	Kết quả (Result)	QCVN 01- 1:2024/BYT
				061026-138	
1.	(a) Coliforms	CFU/100mL	TCVN 6187-1:2019	<1(*)	<1
2.	(a) E.coli	CFU/100mL	TCVN 6187-1:2019	<1(*)	<1
3.	(a) Arsen	mg/L	SMEWW 3125B: 2023	KPH (LOD = 0,002)	0,01
4.	(a) Clo dư tự do	mg/L	SMEWW 4500-Cl.G : 2023	0,50	0,2 – 1,0
5.	(a) Độ đục	NTU	SMEWW 2130:2023	< 0,35 (LOQ = 0,35)	2
6.	(a) Màu sắc	TCU	TCVN 6185:2015	< 9 (LOQ = 9)	15
7.	(a) Mùi	--	HDPT-N.03:2023 (Ref SMEWW 2150:2023)	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ
8.	(a) pH	--	TCVN 6492: 2011	6,70	6,0 – 8,5
9.	(a) Amoni (NH ₃ và NH ₄ ⁺ tính theo N)	mg/L	TCVN 6179-1:1996	KPH (LOD = 0,03)	1
10.	(a) Chỉ số permanganat	mg/L	TCVN 6186 :1996	KPH (LOD = 0,5)	2

Nhận xét: Mẫu nước có các chỉ tiêu phân tích nằm trong ngưỡng giới hạn của Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 01-1:2024/BYT. /The water sample's parameters were inside the permissible limits specified in the National Technical Regulation QCVN 01-1: 2024/BYT

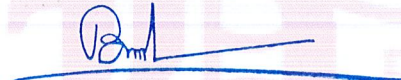
PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
(TEST REPORT)

Số/No: 06102610/KQ

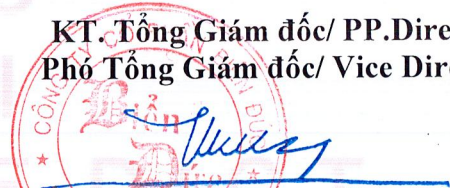
Ghi chú/Notes:

- (*) Kết quả được biểu thị "<1 CFU" được xem là "không phát hiện vi sinh vật mục tiêu" trên thể tích mẫu kiểm tra. /Results expressed as "<1 CFU" are considered as "no target microorganisms detected" on the test sample volume.
- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm/ Test results are valid for the analysis sample only.
- Mẫu được lưu 30 ngày, kể từ ngày trả kết quả/ Sample is stored 30 days from the date of results of return.
- KPH: Không phát hiện/ Not detected;
- LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp/ Limit of detection; LOQ: Giới hạn định lượng của phương pháp/Limit of quantitation;
- (-): Không quy định/ No specified; (-): Không thực hiện/Not implemented;
- QCVN 01-1: 2024/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt;
- Phòng thí nghiệm đã được Bộ Khoa học và Công nghệ cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động thử nghiệm (317/TN-TĐC)/ The Testing Lab is granted a Certificate of Registration for Testing Activities (317/TN-TĐC) by the Ministry of Science and Technology.
- (a): Phương pháp đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BOA) – Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 599)/ Method is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation – Viet Nam (Vilas 599).

Trưởng phòng dịch vụ phân tích
(Head of analytical services)


Nguyễn Đoàn Bình

KT. Tổng Giám đốc/ PP.Director
Phó Tổng Giám đốc/ Vice Director


Phan Duy Hưng

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
(TEST REPORT)

Số/No: 06102610/KQ

Tên khách hàng/ Customer : TRUNG TÂM NƯỚC SẠCH VÀ VỆ SINH MÔI TRƯỜNG
NÔNG THÔN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
Địa chỉ/ Address : Số 39 đường Hoàng Diệu, phường Long Hương, Thành phố Hồ Chí Minh
Loại mẫu/ Type of sample : Nước sạch
Nước sạch sau xử lý
Tên mẫu/ Name of sample : Hộ dân Từ Thị Bích Phương, ấp Định Thới, xã Định An, Thành phố Hồ Chí Minh (Trạm cấp nước Minh Tân)
Mã số mẫu/ Code of sample : 061026-139
Mô tả mẫu/ Sample description : Mẫu nước đựng trong chai nhựa 1,5L và chai thủy tinh 0,5L
Số lượng/ Quantity : 01 mẫu
Ngày lấy mẫu/ Date of sampling : 06/10/2026 Ngày trả kết quả/ Date of result : 13/10/2026

TT (No.)	Chỉ tiêu (Characteristic)	Đơn vị (Unit)	Phương pháp thử (Test method)	Kết quả (Result)	QCVN 01- 1:2024/BYT
				061026-139	
1.	(a) Coliforms	CFU/100mL	TCVN 6187-1:2019	<1(*)	<1
2.	(a) E.coli	CFU/100mL	TCVN 6187-1:2019	<1(*)	<1
3.	(a) Arsen	mg/L	SMEWW 3125B: 2023	KPH (LOD = 0,002)	0,01
4.	(a) Clo dư tự do	mg/L	SMEWW 4500-Cl.G : 2023	0,24	0,2 – 1,0
5.	(a) Độ đục	NTU	SMEWW 2130:2023	< 0,35 (LOQ = 0,35)	2
6.	(a) Màu sắc	TCU	TCVN 6185:2015	< 9 (LOQ = 9)	15
7.	(a) Mùi	--	HDPT-N.03:2023 (Ref SMEWW 2150:2023)	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ
8.	(a) pH	--	TCVN 6492: 2011	6,80	6,0 – 8,5
9.	(a) Amoni (NH ₃ và NH ₄ ⁺ tính theo N)	mg/L	TCVN 6179-1:1996	KPH (LOD = 0,03)	1
10.	(a) Chỉ số permanganat	mg/L	TCVN 6186 :1996	KPH (LOD = 0,5)	2

Nhận xét: Mẫu nước có các chỉ tiêu phân tích nằm trong ngưỡng giới hạn của Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 01-1:2024/BYT. /The water sample's parameters were inside the permissible limits specified in the National Technical Regulation QCVN 01-1: 2024/BYT

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
(TEST REPORT)

Số/No: 06102610/KQ

Ghi chú/Notes:

- (*) Kết quả được biểu thị "<1 CFU" được xem là "không phát hiện vi sinh vật mục tiêu" trên thể tích mẫu kiểm tra. /Results expressed as "<1 CFU" are considered as "no target microorganisms detected" on the test sample volume.
- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm/ Test results are valid for the analysis sample only.
- Mẫu được lưu 30 ngày, kể từ ngày trả kết quả/ Sample is stored 30 days from the date of results of return.
- KPH: Không phát hiện/ Not detected;
- LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp/ Limit of detection; LOQ: Giới hạn định lượng của phương pháp/Limit of quantitation;
- (-): Không quy định/ No specified; (-): Không thực hiện/Not implemented;
- QCVN 01-1: 2024/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt;
- Phòng thí nghiệm đã được Bộ Khoa học và Công nghệ cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động thử nghiệm (317/TN-TĐC)/ The Testing Lab is granted a Certificate of Registration for Testing Activities (317/TN-TĐC) by the Ministry of Science and Technology.
- (a): Phương pháp đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BOA) – Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 599)/ Method is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation – Viet Nam (Vilas 599).

Trưởng phòng dịch vụ phân tích
(Head of analytical services)



Nguyễn Đoàn Bình

KT. Tổng Giám đốc/ PP.Director
Phó Tổng Giám đốc/ Vice Director



Phan Duy Hưng